TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 02 năm 2020
"*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Trọng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thuật, ông Nguyễn Văn Trình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Duy Liệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2020. Tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 621/2019/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1970.

Bị đơn: Chị Vũ Thị G, sinh năm: 1980.

Cùng địa chỉ: Xóm 6, thôn TC, xã PC, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Anh T, chị G có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị G kết hôn năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã PC, huyện Ba Vì. Hai bên kết hôn tự nguyện, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được mười hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị G không T thực, không tôn trọng người thân trong gia đình anh chính vì vậy cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Mặc dù vẫn sống chung nhà

nhưng vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Việc vợ chồng anh chị mâu thuẫn gia đình hai bên đã họp bàn, khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn chị Vũ Thị G.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 21/01/2009 và Nguyễn Thị Hồng T1, sinh ngày 28/01/2017. Khi Tòa án giải quyết ly hôn, anh xin nuôi cả hai con, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Anh T xác nhận không có.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Vũ Thị G trình bầy: Về thời gian kết hôn đúng như anh T trình bầy, chị và anh T sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T cho rằng chị không T thực, không tôn trọng người thân trong gia đình anh T nhưng thực chất là anh T không muốn cùng chị xây dựng hạnh phúc gia đình. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, tha thiết mong muốn đoàn tụ, nếu anh T cương quyết ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị G cũng thừa nhận vợ chồng có hai con chung như anh T trình bày. Nếu phải ly hôn, chị nhận nuôi cháu Nguyễn Thị Hồng T1 để lại cháu Nguyễn Hồng L cho anh T nuôi dưỡng.

Về tải sản chung: Nếu phải ly hôn, chị và anh T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị G cũng xác nhận không có.

* Tại phiên tòa sau khi trình bầy và tranh luận, anh T, chị G vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa**:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh T được ly hôn với chị G.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 21/01/2009 cho anh T nuôi dưỡng. Giáo cháu

Nguyễn Thị Hồng T1 cho chị G nuôi dưỡng. Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T và chị G đến khi có yêu cầu khác

- Về tài sản chung: Không xem xét do anh T, chị G đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét do anh T, chị G đều thừa nhận không có.

- Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã có thời gian dài chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không tìm được tiếng nói chung trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình. Mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị G xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp để vợ chồng thông cảm hóa giải những mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị G đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt, nên chấp nhận cho anh T được ly hôn chị G là phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh T, chị G có hai con chung là Nguyễn Thị Hồng L và Nguyễn Thị Hồng T1. Anh T xin nhận nuôi cả hai con, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con, chị G xin nhận nuôi cháu Nguyễn Thị Hồng T1. Xét nguyện vọng xin nhận nuôi con của anh T và chị G là chính đáng, mặc dù đã ly thân nhưng hai anh chị vẫn sống chung nhà, vẫn chăm sóc hai con. Chính vì vậy để cho các cháu có cuộc sống và sự chăm sóc tốt nên giao mỗi người nuôi một cháu. Cháu L có nguyện vọng ở với bố, cháu T1 còn nhỏ cần sự tận tụy chăm sóc của người mẹ, nên áp dụng các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Thị Hồng L cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị Hồng T1 cho chị G nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T, chị G được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung: Không xét do anh anh T và chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Cả anh T, chị G đều xác nhận không có nên không xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 24, 25, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Vũ Thị G.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 21/01/2009 cho cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, giáo cháu Nguyễn Thị Hồng T1, sinh ngày 28/01/2017 cho chị Vũ Thị G nuôi dưỡng. Anh T, chị G được quyền nuôi con chung đến khi các cháu L, T1 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu khác. Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị G đến khi có yêu cầu khác. Anh T, chị G được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3.Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì ngày 17/12/2019 theo biên lai số AG/2010/ 0009780.

6. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *TAND TP Hà Nội*
- *VKSND huyện*
- *Người tham gia tố tụng*
- *UBND xã PC.*
- *THA dân sự*
- *Lưu hồ sơ*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Trọng Đức